

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135/2022/KDTM-ST**
Ngày 16 tháng 9 năm 2022
V/v: *Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền
theo hợp đồng mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hà và bà Bùi Thị Hạnh**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Bà Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2021 về: “*Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2022/QĐXX-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên Tòa số: 315/2022/QĐ HPT-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty cổ phần N**

Trụ sở: Phòng số 01, tầng 01, tòa nhà số 33 đường L, phường T, quận B, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Lâm Minh G** – Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Thế K** - theo giấy ủy quyền số 262/UQ-NLMB-XXVIII ngày 26/02/2021.

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M**

Trụ sở: Tầng M tòa tháp A, Sky Tower, 88 L, phường L, quận Đ, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Việt C** – Giám đốc
HKTT và nơi ở: Căn hộ B2309, số 88 L, phường L, quận Đ, thành phố H.
Hiện ông C đang bị tạm giam tại trại giam số 1 - Công an Thành phố H.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M là: Ông **Trần Đình K1** - Luật sư, Văn phòng luật sư L và Đồng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

(Ông K có mặt, ông C và ông K1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty cổ phần N là ông Bùi Thế K trình bày:

Ngày 06/01/2020, Công ty cổ phần N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M (sau đây gọi tắt là Công ty xây lắp điện M) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLD-NLMB với nội dung:

Công ty N đồng ý bán và Công ty xây lắp điện M đồng ý mua các loại thép xây dựng: Thép H, tròn trơn cuộn, (có đường kính từ D 1mm đến D14 mm), thép thanh trơn và vằn, (có đường kính từ D10mm đến D41 mm) theo các tiêu chuẩn ASTM A615 (Gr 40, Gr 60), TCVN 1651 – 85 (CI, CII, CIII), TCVN 1651-2-2008 (CB300, CB400, CB500). Thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng được sản xuất bởi các nhà sản xuất: S, H, V và thép ống đúc nhập khẩu.

Sau khi ký Hợp đồng, theo yêu cầu của Công ty xây lắp điện M, Công ty N đã thực hiện báo giá và hai bên ký xác nhận vào ngày 31/01/2020. Trong báo giá đã ghi phương thức thanh toán: Thanh toán chậm trả 15 ngày kể từ ngày nhận hàng. Công ty N tiến hành giao hàng cho Công ty xây lắp điện M vào ngày 03/02/2020. Tương ứng với đợt giao hàng có hóa đơn kèm theo vào ngày 04/02/2020 (Hóa đơn số 0000001).

- Sau khi giao nhận hàng, đại diện giao nhận của hai bên cùng ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng hóa và Bên mua được Bên bán giao đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hóa, tuy nhiên Công ty xây lắp điện M vẫn không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng mặc dù Công ty N đã nhiều lần đôn đốc công nợ, gây rất nhiều khó khăn về tình hình kinh doanh và tài chính cho Công ty N.

- Ngày 12/10/2020, Công ty N và Công ty xây lắp điện M đã lập biên bản đối chiếu công nợ và xác định số tiền mà Công ty xây lắp điện M còn nợ Công ty N là **2.344.955.583 đồng**.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có văn bản trình bày với nội dung: Không đồng ý với các con số được ghi trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/10/2020 mà chỉ đồng ý xác nhận khoản nợ gốc là: **2.228.103.911 đồng** được ghi nhận tại theo công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020 do ông Nguyễn Việt C- đại diện theo pháp luật của bị đơn ký thì nguyên đơn cũng đồng ý.

- Về lãi suất nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất của Ngân hàng B là 6.8%/năm, đây là Ngân hàng mà nguyên đơn mở tại khoản ghi trong Hợp đồng nguyên tắc. Thời gian tính lãi kể từ ngày 26/9/2020 (là ngày sau ngày bị đơn cam kết thanh toán số tiền gốc trên tại công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020) đến phiên Tòa xét xử sơ thẩm.

*** Tại phiên Tòa:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 và Công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020 của Công ty xây lắp điện M, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là: **2.228.103.911 đồng** và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền nợ gốc trên tính từ ngày 26/9/2020 (là ngày sau ngày bị đơn cam kết thanh toán số tiền gốc trên tại công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2022), là 23 tháng 20 ngày, nguyên đơn tạm tính như sau:

$2.228.103.911 \text{ đồng} \times 6,8 \%/\text{năm} \times 23 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 294.720.156 \text{ đồng}$

Tổng cả gốc lẫn lãi là:

$2.228.103.911 \text{ đồng} + 294.720.156 \text{ đồng} = 2.522.824.066 \text{ đồng}$

- Căn cứ tính lãi: Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương Mại 2005, lẽ ra nguyên đơn phải thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm Tòa án xét xử, nhưng nguyên đơn chưa thu thập được và tự nguyện tính lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng B là 6.8%/năm, đây là Ngân hàng mà nguyên đơn mở tài khoản được ghi trong Hợp đồng nguyên tắc. Trường hợp Hội đồng xét xử thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử có cao hơn thì nguyên đơn vẫn tự nguyện chỉ tính lãi suất là 6,8 %/năm, vì nguyên đơn biết hiện nay Công ty xây lắp điện M đang khó khăn, giám đốc công ty đang bị khởi tố và bắt tạm giam.

- Đối với phương án hòa giải của bị đơn trong quá trình Tòa án giải quyết nguyên đơn sẽ xem xét thực hiện giảm toàn bộ lãi nếu sau phiên Tòa bị đơn thực hiện việc trả nợ đúng theo lộ trình.

**** Tại bản tự khai cùng các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M do ông Nguyễn Việt C trình bày:***

Công ty đầu tư xây lắp điện M xác nhận có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 với Công ty N. Nội dung Hợp đồng đúng như phía nguyên đơn trình bày, bị đơn không có ý kiến gì bổ sung gì thêm.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn có nhận được văn bản tố tụng do Tòa báo gọi, bị đơn cũng đã chủ động liên lạc với nguyên đơn để đưa ra phương án giải quyết. Tuy nhiên hai bên chưa kịp gặp gỡ tại Tòa án thì ông C bị bắt tạm giam. Số liệu mà nguyên đơn trình bày trong thông báo thụ lý của Tòa án bị đơn cũng không nắm được. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông C đề nghị mời được Luật sư làm việc.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán trả khoản tiền nợ gốc và lãi do chậm thanh toán của số tiền hàng mà bị đơn chưa thanh toán thì quan điểm của bị đơn là hiện Công ty đang làm ăn khó khăn, ông C là đại diện theo pháp luật của Công

ty đang bị tạm giam, nên đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ khoản tiền lãi và tạo điều kiện cho bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Trần Đình K1 trình bày ý kiến như sau:

Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty xây lắp điện M, ông K1 đã trực tiếp vào làm việc với ông C tại trại giam và nắm được quan điểm của bị đơn với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Bị đơn: Công ty xây lắp điện M xác nhận ngày 06/01/2020, hai bên có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB với nội dung đúng như phía nguyên đơn trình bày.

- Về số tiền hàng chưa thanh toán: Bị đơn chỉ đồng ý xác nhận số tiền nợ gốc được thể hiện theo công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020 do ông Nguyễn Việt C- đại diện theo pháp luật của bị đơn ký là: 2.228.103.911 đồng. Không đồng ý với con số gốc, lãi được ghi trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/10/2020 mà nguyên đơn xuất trình.

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/8/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đề xuất phương án hòa giải để giải quyết vụ án là: Bị đơn sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc mà hai bên đã thống nhất được tại buổi hòa giải là 2.228.103.911 đồng, chậm nhất vào ngày 24/11/2022, nguyên đơn sẽ miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn. Trên tinh thần buổi hòa giải này, ông K1 sẽ vào trại giam để lấy ý kiến và xác nhận của ông C.

- Về tiền lãi: Bị đơn nhất trí với cách tính lãi; căn cứ tính lãi suất và thời gian tính lãi suất của nguyên đơn.

- * Tại phiên Tòa: Bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa vì lý do bị đơn đang bị tạm giam, không thể tham gia phiên Tòa và vẫn giữ quan điểm như đã trình bày.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Công ty xây lắp điện M là luật sư Trần Đình K1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa với nội dung:***

Sau phiên hòa giải cuối cùng luật sư đã liên hệ để điều tra viên tạo điều kiện sắp xếp cho luật sư vào làm việc với ông C tại trại giam để ông C xác nhận vào phương án hòa giải mà luật sư đưa ra, tuy nhiên do điều tra viên không sắp xếp được lịch cụ thể, nên chưa có căn cứ để xác thực về phương án hòa giải của bị đơn và luật sư xin được vắng mặt tại phiên Tòa. Đề nghị Tòa án xét xử theo luật định.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng:***

** Về tố tụng:* -Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại phiên Tòa: bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là đúng luật định.

** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật Thương mại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán theo Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 và công văn số: 2008/CV- MEPC ngày 20/8/2020 là: **2.228.103.911 đồng**

- Về số tiền lãi: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền hàng tính lãi là ngày 26/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện tính lãi của nguyên đơn chỉ tính với lãi suất là 6,8 % / năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Công ty cổ phần N được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, có mã số doanh nghiệp 0104779077, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2010 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố H.

- Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, có mã số doanh nghiệp 0106071307, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2012 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố H.

- Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp: “Yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa Công ty cổ phần N và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M. Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp phát sinh trong hoạt động Kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, cụ thể là: “Tranh chấp Yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm 5.4 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020, thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của bên nguyên đơn. Theo giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty cổ phần N có địa chỉ trụ sở chính tại: Phòng số 01, tầng 01, tòa nhà số 33 đường L, phường T, quận B, thành phố H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đến tham gia phiên Tòa, tuy nhiên bị đơn và luật sư có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

*** Về nội dung:**

[1]. Nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLD-NLMB ngày 06/01/2020 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/10/2020 được ký kết giữa hai bên để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty xây lắp điện M phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi là 2.344.955.583 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã thống nhất lại khoản nợ gốc được tính theo công văn số: 2008/CV- MEPC ngày 20/8/2020 do ông Nguyễn Việt C - đại diện theo pháp luật của bị đơn: Công ty xây lắp điện M ký là 2.228.103.911 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền số hàng còn nợ là **2.228.103.911 đồng**, và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 26/9/2020 (là ngày sau ngày bị đơn cam kết thanh toán số tiền gốc trên tại công văn số: 2008/CV-MEPC ngày 20/8/2020) đến phiên Tòa ngày hôm nay (ngày 16/9/2022). Về lãi suất nguyên đơn căn cứ vào lãi suất của Ngân hàng mà nguyên đơn mở tài khoản được ghi trên Hợp đồng nguyên tắc mà 2 bên ký kết. Trường hợp Tòa án có thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử có cao hơn thì nguyên đơn vẫn tự nguyện tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng B là 6.8%/năm.

Nguyên đơn tạm tính: 2.228.103.911 đồng x 6,8 %/năm x 23 tháng 20 ngày = 294.720.156 đồng. Tổng cả gốc lẫn lãi là: **2.522.824.066 đồng**

[2]. Xét Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLD-NLMB ngày 06/01/2020:

Ngày 06/01/2020, Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M và Công ty cổ phần N cùng nhau ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLD-NLMB với nội dung:

Công ty N cung cấp, bán cho Công ty xây lắp điện M các chủng loại hàng hóa là thép xây dựng: Thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng được sản xuất bởi các nhà sản xuất: S, H, V và thép ống đúc nhập khẩu. Ngoài ra trong Hợp đồng có quy định về giá cả, phương thức thanh toán và trách nhiệm của hai bên.

Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc trên, Công ty N đã thực hiện báo giá và hai bên ký xác nhận vào ngày 31/01/2020. Trong báo giá đã ghi phương thức thanh toán: Thanh toán chậm trả 15 ngày kể từ ngày nhận hàng. Công ty N tiến hành giao hàng cho Công ty xây lắp điện M vào ngày 03/02/2020. Tương ứng với đợt giao hàng có hóa đơn kèm theo vào ngày 04/02/2020 (Hóa đơn GTGT số 0000001). Việc giao hàng được hai bên cùng ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng hóa và bên mua được bên bán giao đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hóa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 được nguyên đơn và bị đơn ký kết trên có sở tự nguyện, Nội dung Hợp đồng hai bên thỏa thuận về chủng loại hàng hóa, tổ chức thực hiện, giá cả và phương thức thanh toán, trách nhiệm hai bên và điều khoản chung....Nội dung Hợp đồng nguyên tắc có đầy đủ các điều khoản theo quy định chung của Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự. Vì vậy Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 giữa Công ty N và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M là có thật và hợp pháp, có giá trị để hai bên thực hiện.

*[3]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là: **2.228.103.911 đồng***

Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLĐ-NLMB ngày 06/01/2020 được ký kết giữa Công ty N và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M và biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/10/2020 do hai bên ký kết để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi là: 2.344.955.583 đồng

Bị đơn không đồng ý với số liệu nợ gốc và nợ lãi của số tiền hàng chưa thanh toán được ghi trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/10/2020 vì biên bản đó không được người đại diện theo pháp luật công nhận.

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận số tiền hàng mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là số tiền được bị đơn xác nhận tại công văn số 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020 là 2.228.103.911 đồng. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc và đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền hàng chưa thanh toán trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã thống nhất xác nhận khoản tiền hàng mà bị đơn chưa thanh toán trả cho nguyên đơn, bị đơn cũng xác nhận trách nhiệm phải thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn theo công văn số 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là: **2.228.103.911 đồng**.

[4]. Xét về yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

[4.1]. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán đối với khoản tiền hàng là: 2.228.103.911 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn cũng biết về căn cứ tính lãi là phải thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm Tòa án xét xử, nhưng nguyên đơn chưa thu thập được và tự nguyện tính lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng B là 6.8%/năm, đây là Ngân hàng mà nguyên đơn mở tài khoản được ghi trong Hợp đồng nguyên tắc. Trường hợp Hội đồng xét xử thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử có cao hơn thì nguyên đơn vẫn tự nguyện chỉ tính lãi suất là 6,8 %/năm, vì nguyên đơn biết hiện nay Công ty xây lắp điện M đang khó khăn, giám đốc công ty đang bị khởi tố và bắt tạm giam.

Thời gian tính lãi kể từ ngày 26/9/2020 (là ngày sau ngày bị đơn cam kết thanh toán số tiền gốc trên tại công văn số: 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2022), nguyên đơn tạm tính là:

$$2.228.103.911 \text{ đồng} \times 6,8 \%/\text{năm} \times 23 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 294.720.156 \text{ đồng}$$

Như vậy tổng số tiền thanh toán tiền mua hàng và tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán cho nguyên đơn là:

$$2.228.103.911 \text{ đồng} + 294.720.156 \text{ đồng} = 2.522.824.066 \text{ đồng}.$$

Nguyên đơn cũng nhất trí với phương án trả nợ mà luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đưa ra, tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay, luật sư xin vắng mặt và có văn bản trình bày là chưa vào làm việc với ông C - đại diện theo pháp luật của Công ty xây lắp điện M để xác nhận vào phương án hòa giải mà luật sư đưa ra tại phiên hòa giải, thì quan điểm của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định. Sau này nếu bị đơn thực hiện đúng như phương án mà luật trình bày thì nguyên đơn cũng sẽ miễn toàn bộ lãi cho bị đơn.

[4.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng nhất trí về cách tính lãi, lãi suất và thời điểm tính lãi của nguyên đơn và cũng xác nhận trách nhiệm trả lãi đối với khoản tiền hàng chưa thanh toán. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có đưa ra phương án và lộ trình trả nợ, cụ thể: Chậm nhất là ngày 24/11/2022, bị đơn sẽ thanh toán trả cho nguyên đơn toàn bộ toàn bộ số tiền hàng chưa thanh toán là 2.228.103.911 đồng, đề nghị nguyên đơn sẽ miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn. Phương án này luật sư sẽ vào trại giam làm việc và lấy chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật Công ty xây lắp điện M.

[4.3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng nguyên tắc số: 0601-XXVII/HĐNT/XLD-NLMB ngày 06/01/2020, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi đối với khoản mà bị đơn

chưa thanh toán trả cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương Mại, nên có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ để xác định lãi suất, nên Hội đồng xét xử áp dụng: Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm và Điều 306 Luật Thương Mại để tính lãi trên có sở thu thập lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Theo quyết định số 3518/NHNo-KHNV ngày 22/4/2021 của Ngân hàng A thì lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng A tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 8,5 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (12,75 %)

- Theo Công văn số 066/TGD-NHCT3 ngày 10/01/2022 của Ngân hàng V thì lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng V tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 8,5 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (12,75 %)

- Căn cứ Quyết định số: 1159/QĐ-VCB-ALM ngày 06/7/2021 của Ngân hàng V1 về việc công bố lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng V1 tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 7 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (10,5 %).

Như vậy lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 12 %/ năm.

- Về thời hạn tính vi phạm: Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đương sự đều thông nhất và xác định thời hạn tính lãi là sau ngày bị đơn cam kết thanh toán trả hết toàn bộ tiền hàng còn nợ theo công văn số 2008/ CV- MEPC ngày 20/8/2020 của bị đơn: Công ty xây lắp điện M là ngày 26/9/2020 cho đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2022) là 23 tháng 20 ngày. Nguyên đơn tự nguyện chỉ tính lãi 6,8 %/ năm là:

$2.228.103.911 \text{ đồng} \times 6,8 \text{ \%/năm} \times 23 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 294.720.156 \text{ đồng}$

Hội đồng xét xử xét thấy đã kiểm tra thấy đúng và có căn cứ để chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán là: **294.720.156 đồng**

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa sơ thẩm - phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[6]. Về án phí KDTM sơ thẩm:

* Công ty cổ phần N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Công ty xây lắp điện M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là:

$2.522.824.066 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% (522.824.066 \text{ đồng}) = 82.456.481 \text{ đồng}$

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 2 Điều 217; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 34; Điều 37, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N đối với Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M.

2. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M phải trả cho Công ty cổ phần N tổng số tiền là: **2.522.824.066 đồng** (Hai tỷ năm trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi tư nghìn không trăm sáu sáu đồng), trong đó: Tiền hàng chưa thanh toán là **2.228.103.911 đồng** (Hai tỷ hai trăm hai mươi tám triệu một trăm linh ba nghìn chín trăm mười một đồng) và số tiền lãi do chậm thanh toán là **294.720.156 đồng** (Hai trăm chín mươi tư triệu bảy trăm hai mươi nghìn một trăm lăm sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền trả lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian thi hành án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu số: 0001295 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự quận B.

- Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện M phải chịu kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.456.481 đồng (Tám mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi một đồng).

6 . Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

